

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM
2030 THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
	1. Đất Quốc phòng			
1	Công trình phòng thủ TP.Long Khánh	Bảo Quang	4,89	
2	Công trình phòng thủ TP.Long Khánh	Bình Lộc	30,00	
3	Chốt phòng thủ và sản xuất TP.Long Khánh	Bình Lộc	2,94	
4	Công trình quốc phòng tại xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	88,91	
5	Công trình phòng thủ TP.Long Khánh	Hàng Gòn	30,00	
6	Thao trường huấn luyện cho lực lượng vũ trang	Suối Tre	15,65	
7	Trạm thông tin chuyển tiếp cảnh báo phòng không	Suối Tre	0,21	
8	Công trình phòng thủ tỉnh	Xuân Lập	10,00	
9	Công trình phòng thủ tỉnh	Xuân Lập	36,89	
10	Công trình phòng thủ TP.Long Khánh	Xuân Tân	10,00	
11	Trung đội Dân quân thường trực KCN Suối Tre	Bảo Vinh	0,15	
12	Trung đội Dân quân thường trực KCN Long Khánh	Bình Lộc	0,20	
	2. Đất an ninh			
13	Đồn Công an KCN Long Khánh	Bình Lộc	0,15	
14	Trụ sở công an phường Xuân An	Xuân An	0,08	
15	Trụ sở công an phường Xuân Lập	Xuân Lập	0,05	vị trí tại một phần thửa 32, tờ 12
16	Trụ sở công an phường Xuân Tân	Xuân Tân	0,16	Dự kiến vị trí trong Dự án dân cư và tái định cư
17	Trụ sở công an phường Bàu Sen	Bàu Sen	0,25	
18	Trụ sở công an phường Suối Tre	Suối Tre	0,14	Chuyển vị trí quy hoạch sang tờ Vị trí tại thửa 80 tờ 24
19	Trụ sở công an phường Bảo Vinh	Bảo Vinh	0,05	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
	* Đất an ninh - PCCC			
20	Phòng cảnh sát PCCC thành phố Long Khánh	Suối Tre	2,50	Chưa xác định vị trí
21	Trụ sở đội PCCC Khu công nghiệp Suối Tre	Bảo Vinh	0,15	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai, vị trí thuộc khu công nghiệp Suối Tre
	3. Đất khu công nghiệp			
22	Khu công nghiệp Hàng Gòn	Hàng Gòn	300,00	Văn bản số 2696/SKHĐT-QLN ngày 31/7/2020 của sở Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh tăng chỉ tiêu sử dụng đất (Chưa phân bổ chỉ tiêu)
	4. Đất cụm công nghiệp			
23	Cụm công nghiệp Bàu Trâm	Bàu Trâm	29,70	Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 17/2/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Cụm Công nghiệp Bàu Trâm. Công ty Cổ phần BĐS Dịch vụ Công nghiệp Đại phong đang lập hồ sơ, thủ tục đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
24	Cụm công nghiệp Hàng Gòn	Hàng Gòn	70,00	Văn bản số 3367/SCT-KH ngày 30/7/2020 của sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
	5. Đất thương mại, dịch vụ			
	* Công trình Trung tâm TMDV			
25	Trung tâm thương mại Xuân Bình và khu dân cư Long Khánh	Xuân Bình	2,26	Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh V/v phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường.
26	Khu TMDV Phú Bình	Phú Bình	2,33	
27	Khu TMDV kết hợp ở (dọc đường CMT8-ND)	X.An, X.Hòa	19,45	
28	Trung tâm Thương mại Xuân Tân	Xuân Tân	15,30	
29	Trạm dừng chân tại Xuân Tân (Trạm dừng chân Lê Hoàng)	Xuân Tân	7,13	
30	Khu vui vui chơi Thảo Thiện Garden	Bảo Vinh	4,35	UBND xã Bảo Vinh tại biên bản làm việc ngày 10/6/2020 về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn phường
31	Khu đất phường Xuân Bình (Thửa đất số 133 tờ bản đồ số 3)	Xuân Bình	0,92	Quyết định điều chỉnh cục bộ số 2561/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Xuân Bình
32	Khu thương mại dịch vụ phường Xuân Trung (thửa 19 tờ 2, thửa 58 tờ 3, thửa 1 tờ 5)	Xuân Trung	4,42	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
33	Trạm Viễn thông Đồng Nai (vị trí mới)	Xuân An	0,20	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
34	Khu dịch vụ Logistic (kho số 12)	Suối Tre	93,50	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
35	Khu đất thương mại dịch vụ	Suối Tre	26,30	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
36	Khu đất du lịch nghỉ dưỡng hồ Cầu Dầu	Hàng Gòn	29,00	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
37	Khu đất du lịch nghỉ dưỡng phường Bàu Sen	Bàu Sen	9,10	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
38	Khu du lịch nghỉ dưỡng phường Suối Tre	Suối Tre	40,00	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
39	Khu du lịch nghỉ dưỡng phường Xuân Tân	Xuân Tân	12,40	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
40	Khu đất thương mại dịch vụ	Hàng Gòn	57,10	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	* Công trình dịch vụ khác			
41	Văn phòng làm việc HTX Bình Lộc	Bình Lộc	0,04	
42	Hợp tác xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	0,20	
	* Trạm xăng dầu			
43	Trạm xăng dầu Thọ An	Bảo Quang	0,15	
44	Cây xăng khu phố Suối Chồn	Bảo Vinh	0,15	
45	Trạm xăng dầu Bầu Sen	Bầu Sen	0,15	
46	Trạm xăng dầu ấp Bầu Sầm	Bầu Trâm	0,12	
47	Trạm xăng dầu (DNTN Hoàng Long)	Xuân Hòa	0,10	
48	Cây xăng Tín Nghĩa (trạm xăng dầu Suối Tre 2)	Xuân Lập	0,30	Văn bản số 236/CV-TCT, ngày 21/7/2020 của Tổng công ty Tín Nghĩa về việc cập nhật công trình quy hoạch
49	Cây xăng Tín Nghĩa (trạm xăng dầu Suối Tre)	Suối Tre	0,30	Văn bản số 236/CV-TCT, ngày 21/7/2020 của Tổng công ty Tín Nghĩa về việc cập nhật công trình quy hoạch
50	Cây xăng Tín Nghĩa (trạm xăng dầu Hàng Gòn)	Hàng Gòn	0,10	Văn bản số 236/CV-TCT, ngày 21/7/2020 của Tổng công ty Tín Nghĩa về việc cập nhật công trình quy hoạch
	6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
51	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Xưởng cưa)	Bầu Trâm	0,81	
52	Cụm chế biến nông sản ấp Bầu Cối	Bảo Quang	2,00	
53	Cụm chế biến nông sản ấp 18 Gia Đình	Bảo Quang	5,00	
54	Cụm sản xuất phi nông nghiệp xã Bảo Quang	Bảo Quang	2,14	
55	Cụm sản xuất phi nông nghiệp ấp Thọ An	Bảo Quang	8,81	
56	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp Suối Tre	Suối Tre	0,69	
57	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Công ty Hoàng Gia Nguyễn)	Xuân Tân	0,30	
	* Điểm giết mổ tập trung			
58	Cơ sở giết mổ tập trung Thị Thọ	Bầu Trâm	3,70	
59	Cơ sở giết mổ gia Cầm Phong Hiền	Bầu Trâm	0,50	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
60	Cơ sở giết mổ đoàn thu	Bầu Trâm	0,71	Dự thảo quyết định phê duyệt mạng lưới giết mổ gia súc, gia cầm tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025, tầm nhìn đến năm 2030. thừa một phần đất số 259 tờ 5.
	7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm			
	* Khai thác đá xây dựng			
61	Núi Nứa - phường Xuân Lập (LK.Đ1-2)	Xuân Lập	100,00	
62	Núi Nứa - phường Xuân Lập (LK.Đ1-3)	Xuân Lập	21,00	
63	Mỏ PUZOLAN Núi Nứa	Xuân Lập	80,00	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
	* Vật liệu san lấp			
64	Ấp Bàu cối - Bảo Quang (LK.VS5-3)	Bảo Quang	3,30	
65	Bàu Sao - Xuân Lập (LK.VS8-3)	Xuân Lập	3,70	
66	Ấp 4 - Bình Lộc (LK.VS9-3)	Bình Lộc	2,00	
67	Đồi 64 - Hàng Gòn (LK.VS11-3)	Hàng Gòn	31,91	
68	Đồi 64 - Hàng Gòn (LK.VS6-3)	Hàng Gòn	5,92	
69	Cáp Rang - Suối Tre (LK.VS1-3)	Suối Tre	55,87	
70	Cáp Rang - Suối Tre (LK.VS3-3)	Suối Tre	153,97	
	8. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh			
	8.1. Đất xây dựng cơ sở văn hóa			
71	Khu văn hóa - TDTT, Hội trường Trung Tâm (tại khu đất thuộc bệnh viện đa khoa Long Khánh cũ, Trường TH Kim Đồng, Trung Tâm Y Tế, Trường TPPT Văn Hiến, Trung tâm Viễn Thông Đồng Nai cũ)	Xuân An	3,48	Thu hồi theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai giao TTPTQĐ tỉnh quản lý (thực hiện theo văn bản 775/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 11/06/2018 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai.
72	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng	Hàng Gòn	0,60	
73	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng	Xuân Trung	0,13	
74	Nhà Bia ghi danh Liệt Sĩ xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	0,20	
	8.2. Đất y tế			
	* Trạm y tế			
75	Trạm y tế Hàng Gòn	Hàng Gòn	0,20	
76	Phân trạm y tế làng dân tộc	Bảo Vinh	0,06	
77	Trung Tâm y tế thành phố (vị trí mới)	Xuân An	0,20	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	* Công trình y tế khác			
78	Mở rộng bệnh viện Suối Tre (Khu nghỉ dưỡng)	Suối Tre	14,47	Văn bản số 812/CSĐN-KHĐT ngày 28/7/2020 của Công ty TNHH MTV Tổng Cty Cao Su Đồng Nai về việc đăng ký nhu cầu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
79	Hội Đông y thành phố Long Khánh	Bảo Vinh	0,01	
80	Bệnh viện Ái Nghĩa Việt Pháp	Bảo Vinh	1,20	Văn bản số: 9979/UBND-KTN ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư
	8.3. Đất giáo dục			
	* Trường trung cấp nghề			
	* Trường đại học Trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề			
81	Khu đất giáo dục (trường đại học)	Suối Tre	46,00	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
82	Ký túc xá Trường THPT Long Khánh	Xuân Bình	1,02	
	* Trường Trung học phổ thông			
83	Mở rộng Trường PTTH Trần Phú	Suối Tre	0,64	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
84	Trường TH Kim Đồng (vị trí mới)	Xuân An	1,40	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
85	Trường THPT dân lập Văn Hiến (vị trí mới)	Xuân An	1,40	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
86	Trường THPT	Suối Tre	2,00	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
87	Trường THPT	Bàu Sen	2,20	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
88	Trường THPT	Bình Lộc	1,80	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	* Trường THCS			
89	Mở rộng Trường THCS Bảo Quang	Bảo Quang	0,48	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
90	Trường THCS Bàu Trâm (Khu hành chính xã)	Bàu Trâm	1,89	
91	Trường THCS Phú Bình	Phú Bình	0,55	
92	Trường THCS Xuân Hòa	Xuân Hòa	1,00	
	* Trường tiểu học			
93	Mở rộng trường tiểu học Lê Lợi	Suối Tre	0,20	Văn bản số 213/UBND ngày 31/ 8/2020 của UBND phường Suối Tre về việc góp ý danh mục nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030
94	Trường tiểu học Xuân Tân	Xuân Tân	0,67	
95	Trường TH Lác Chiếu	Bảo Quang	0,50	
96	Trường TH Bảo Vinh 2 (Khu tái định cư Bảo Vinh)	Bảo Vinh	0,52	
97	Trường TH Bàu Trâm (Khu hành chính)	Bàu Trâm	1,45	
98	Trường TH Xuân Hòa	Xuân Hòa	0,50	
	* Trường Mẫu giáo, mầm non			
99	Trường Mầm non-Tiểu học-Trung tâm Ngoại Ngữ Tổ Ong Vàng	Bảo Vinh	1,13	Quyết định chủ trương đầu tư số 1720/QĐ-UBND, ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai
100	Đất giáo dục (Khu hành chính xã)	Bàu Trâm	2,58	
101	Trường MN Xuân Tân (trong khu đô thị mới)	Xuân Tân	0,65	
102	Mở rộng trường MN 19/5 (Trường Mẫu giáo Xuân Lập)	Xuân Lập	2,20	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
103	Trường mầm non Xuân Thanh	Xuân Thanh	0,87	Khu đất thửa 140 tờ 3 và thửa 53 tờ 10
	*Đất dự trữ phát triển giáo dục			
104	Đất dự trữ phát triển giáo dục	Xuân An	0,75	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
105	Đất dự trữ phát triển giáo dục	Xuân Thanh	1,45	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
106	Đất dự trữ phát triển giáo dục	Phú Bình	0,60	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
107	Đất dự trữ phát triển giáo dục	Xuân Hòa	1,38	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	8.4 Đất cơ sở thể dục thể thao			
108	Sân vận động thành phố	Bàu Sen	6,50	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	8.5. Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ			
	* Công trình quan trắc			
	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (2 giếng: TD16, TD20)			
109	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD16)	Hàng Gòn	0,002	
110	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD20)	Bảo Quang	0,002	
	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (2 giếng: NB-18A, NB-18B)			
111	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB18A)	Suối Tre	0,002	
112	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB18B)	Suối Tre	0,002	
113	Khu trung tâm nghiên cứu khoa học, Công nghệ (cấp quốc gia)	Hàng Gòn	100,00	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
114	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (ĐN48)	Hàng Gòn	0,002	
115	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (ĐN43)	Bình Lộc	0,002	
116	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (ĐN43)	Bảo Vinh	0,002	
	8.6. Đất giao thông			
	* Sân bay, bến, cảng			
117	Bến xe Bảo Quang	Bảo Quang	0,50	
118	Bến xe liên tỉnh	Suối Tre	5,00	Điều chỉnh diện tích theo Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thành phố
	* Đường sắt			
119	Ga Long Khánh mới	Bàu Sen	0,47	Điều chỉnh diện tích theo Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thành phố
120	Đường sắt cao tốc	Hàng Gòn	12,97	Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 651/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về quy hoạch tổng thể phát triển giao thông tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 định hướng đến năm 2030
	* Đường bộ			

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
121	Đường Cao tốc Dầu giây - Đà Lạt	Bình Lộc	0,81	Cập nhật theo điều chỉnh qh chung
122	Đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết (đoạn qua xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh)	Hàng Gòn	33,95	Quyết định 3196-3337/QĐ-UBND, ngày 23/12/2019 của UBND thành phố Long Khánh, điều chỉnh diện tích theo QĐTH đất
123	Quốc lộ 1 vòng tránh TP. Long Khánh	S.Tre, B.Sen, X.Tân	44,30	
124	Đường Suối Tre - Bình Lộc (ĐT 770)	S.Tre, B.Lộc	25,80	
125	Đường Trảng Bom -Xuân Lộc	S.Tre, B.Vinh	52,30	
126	Đường Hàng Gòn - Xuân Quế	Hàng Gòn	5,13	
127	Đường Bảo Vinh - Bảo Quang (mở rộng)	B.Vinh, B.Quang	15,40	
128	Đường Bảo Vinh B đi ấp Bàu Cối	B.Vinh, B.Quang	16,20	
129	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Bảo Quang	27,20	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
130	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc (Suối Đá)	Bảo Quang	19,30	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
131	Đường Lương Thế Vinh (Phú Bình 13)	Phú Bình	0,47	
132	Đường Đoàn Thị Điểm	Phú Bình	0,10	
133	Đường Tô Hiến Thành (N3-X.Hòa)	Xuân Hòa	1,25	
134	Đường Lý Thái Tổ (Đoạn mở mới theo quy hoạch)	Xuân Hòa	2,50	
135	Đường QL1 - Xuân Lập ((Đoạn từ đường QL1 đến Đường số 4 phường Suối Tre)	Xuân Lập, Suối Tre, Bàu Sen	16,00	Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND thành phố Long Khánh về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2020
136	Đường QL1 - Xuân Lập (Đoạn từ đường số 4 phường Suối Tre đến đường 21/4)	Suối Tre, Bàu Sen	8,00	Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND thành phố Long Khánh về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2020
137	Đường Suối Chồn - Bàu Cối (mở rộng)	B.Vinh, B.Quang	25,70	Đã có thông báo thu hồi đất cho các hộ dân
138	Đường QL 56 - Đồi Rìu	H.Gòn, X.Tân	15,00	
139	Đường Vành đai 1	S.Tre, B.Sen, P.Bình	17,59	
140	Đường Vành đai 2	P.Bình, X.Hòa, B. Trâm, Bảo Vinh	26,68	
141	Đường QL56 - Xuân Lập	X.Lập, H.Gòn, B.Sen	24,57	
142	Đường QL1 - Bàu Sen (Đường Nguyễn Văn Trỗi và đoạn còn lại)	X.Bình, B.Sen	11,90	Đang thi công, chuyển tiếp để hoàn thành thủ tục đất đai
143	Đường Xuân Lập - Hàng Gòn	X.Lập, H.Gòn	24,95	
144	Đường Xuân Lập - Tân Xuân	X.Tân, H.Gòn, B.Sen, X. Lập	22,40	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
145	Đường CMT 8 nối dài	X.An; X.Hòa	4,40	Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt Đầu tư dự án xây dựng
146	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	X.Hòa; P.Bình; Xuân Tân	6,11	Đang xây dựng, đã có quyết định thu hồi đất
147	Nâng cấp mở rộng đường Đào Trí Phú	Xuân Trung	0,58	Văn bản số 347/UBND-CNN, ngày 12/2/2019 của UBND thị xã Long Khánh về việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng; Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND thị xã Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công (đợt 1)
148	Đường giao thông và công viên cây xanh dọc đường Huỳnh Văn Nghệ	Xuân Trung	1,00	Văn bản số 347/UBND-CNN, ngày 12/2/2019 của UBND thị xã Long Khánh về việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng; Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1)
149	Đường Huỳnh Văn Nghệ (D9-X.Trung)	Xuân Trung	1,30	
150	Đất công viên cây xanh	Xuân Trung	0,39	
151	Đường số 5 Xuân Tân	Xuân Tân	1,69	
152	Đường nhánh khu phố Cẩm Tân	Xuân Tân	2,39	
153	Đường Xoài Quéo (đường Bàu Đục - Phú Mỹ)	Bàu Sen	2,04	
154	Đường Cầu Cháy Bình Lộc đi Bàu Cối Xuân Bắc	Bình Lộc	2,00	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
155	Đường trung tâm Suối Chồn đi thành phố	Bảo Vinh	1,42	
156	Đường Bình Lộc - Bảo Quang	B.Lộc, B.Quang	12,49	
157	Đường Ngô Quyền	X.Thanh, B.Trâm, B.Vinh	7,74	
158	Đường Quang Trung (ND)	Xuân Hòa	3,57	
159	Đường Nguyễn Tri Phương (ND)	X.An, X.Hòa	5,82	
160	Đường Nguyễn Chí Thanh (D11-X.Thanh)	Xuân Thanh	2,50	
161	Đường Lương Đình Của	X.Bình, B.Sen	3,90	
162	Đường Võ Duy Dương	X.Bình, S.Tre	2,10	
163	Đường Hồng Thập Tự	Xuân Bình	1,04	
164	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (mở rộng)	Bình Lộc	20,53	
165	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (ND GĐ2)	Xuân Hòa	3,04	
166	Đường Lý Thường Kiệt nối dài	Xuân An	1,44	
167	Đường Lê Quang Định	Xuân Trung	1,72	
168	Đường Trần Thượng Xuyên	Xuân Trung	0,64	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
169	Đường Nguyễn Văn Cừ (ND)	Xuân Hòa	0,73	
170	Đường Phạm Thế Hiển (N9-X.Thanh)	Xuân Thanh	1,00	
171	Đường Lê Văn Vận (D8-X.Thanh)	Xuân Thanh	1,24	
172	Đường Phạm Lạc (D9-X.Thanh)	Xuân Thanh	0,78	
173	Đường 9 tháng 4 (N3-X.Thanh)	Xuân Thanh	2,11	
174	Nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực	X.Trung, B.Vinh	2,36	
175	Đường số 2 (Suối Tre - Bàu Sen - Phú Bình - Xuân Tân)	S.Tre, B.Sen, P.Bình, X.Tân	10,90	
176	Đường ranh Xuân Bình-Phú Bình-Bàu Sen	X.Bình, B.Sen	2,35	
177	Đường XH-6 (Đường ranh Xuân Hòa - Phú Bình)	X.Hòa, P.Bình	3,17	
178	Đường ranh Bảo Vinh - Xuân Thanh	X.Thanh, B.Vinh	1,46	
179	Đường hẻm 53 Xuân Thanh đi đường Trần Nhân Tông	X.Thanh, B.Vinh	1,30	
180	Đường nhà Ông Ngôn tổ 8 - Bàu Sầm	Bàu Trâm	0,19	
181	Đường Thổ Lùn GD2	Bàu Trâm	1,26	
182	Đường nội đồng Ruộng Le	Bàu Trâm	0,90	
183	Đường nội đồng Ruộng Châm	Bàu Trâm	0,20	
184	Đường nội đồng Cầu Hoà Bình tổ 4-Bàu Sầm	Bàu Trâm	1,19	
185	Đường nội đồng tổ 4 đi tổ 5 Bàu Sầm	Bàu Trâm	0,64	
186	Đường Trần Nhân Tông	Bảo Vinh	5,35	
187	Đường số 4 (Bảo Vinh)	Bảo Vinh	3,62	
188	Đường số 3 (Bảo Vinh)	Bảo Vinh	3,36	
189	Đường Thành Thái	Bảo Vinh	1,44	
190	Đường số 2 (Bảo Vinh)	Bảo Vinh	1,18	
191	Đường số 5 (Bảo Vinh)	Bảo Vinh	4,91	
192	Đường song hành với Đường sắt Bắc Nam	Bàu Sen	1,87	
193	Đường giao thông KHC xã Bàu Trâm	Bàu Trâm	5,85	
194	Đường số 1 (Bàu Trâm)	Bàu Trâm	1,41	
195	Đường số 3 (Bàu Trâm)	Bàu Trâm	0,68	
196	Đường Điều Xiển	Bàu Trâm	17,63	
197	Đường số 10 (tổ 14 Bàu Trâm đi tổ 10 Bàu Sầm)	Bàu Trâm	2,17	
198	Đường số 13 Bàu Trâm (thổ Làng - cống Hoa Sen)	Bàu Trâm	0,53	
199	Đường số 11 (từ nhà Ông Diệp đi tổ 14 Bàu Trâm)	Bàu Trâm	0,67	
200	Đường số 6 Bàu Sầm (từ tổ 2 đến tổ 5 bàu sầm)	Bàu Trâm	1,05	
201	Đường số 7 Bàu Sầm (từ tổ 1 bàu sầm đến giáp đường số 6)	Bàu Trâm	0,82	
202	Đường số 8 Bàu Sầm (từ tổ 1 bàu sầm đến giáp đường số 7)	Bàu Trâm	0,36	
203	Đường mùa Hè Xanh	Bàu Trâm	1,32	Thực hiện 1 phần dự án

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
204	Đường giao thông nông thôn tổ 13 ấp Tân Phong	Hàng Gòn	0,30	Chưa xác định vị trí
205	Đường Phú Bình 22	Phú Bình	0,21	
206	Đường Phú Bình 17	Phú Bình	0,60	
207	Đường Phú Bình 7	Phú Bình	0,85	
208	Đường Phú Bình 6	Phú Bình	0,16	
209	Đường Phú Bình 16	Phú Bình	0,39	
210	Đường Phú Bình 10	Phú Bình	1,12	
211	Đường XA - 1 (Đường D1 (Xuân An)	Xuân An	1,43	
212	Đường XA- 3 (Đường D2 (Xuân An)	Xuân An	0,89	
213	Đường XA- 4 (Đường N3 (Xuân An)	Xuân An	0,67	
214	Đường XA- 7 (Đường N4 (Xuân An)	Xuân An	1,41	
215	Nối hẻm 104A (ND)	Xuân An	0,07	
216	Đường Xuân Bình 1	Xuân Bình	0,37	
217	Đường Xuân Bình 2	Xuân Bình	0,31	
218	Đường Xuân Bình 6	Xuân Bình	0,41	
219	Đường Xuân Bình 7	Xuân Bình	0,40	
220	Đường Xuân Bình 8	Xuân Bình	0,26	
221	Đường XH - 1	Xuân Hòa	0,56	
222	Đường XH - 2	Xuân Hòa	0,14	
223	Đường XH - 3	Xuân Hòa	0,58	
224	Đường XH - 4	Xuân Hòa	0,29	
225	Đường XH - 8	Xuân Hòa	0,15	
226	Đường XH - 9	Xuân Hòa	1,59	
227	Đường XH - 10	Xuân Hòa	0,41	
228	Đường XH - 13	Xuân Hòa	1,95	
229	Đường số 2 (Xuân Lập)	X. Lập; B. Sen, S. Tre	7,69	
230	Đường số 6 (Xuân Tân)	Xuân Tân	1,02	
231	Đường giao thông nông thôn khu 1, khu phố Cẩm Tân	Xuân Tân	0,46	
232	Đường số 3 nối dài đi Phú Bình	Xuân Tân	1,24	
233	Đường nội đồng khu 1 khu phố Tân Phong	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
234	Đường nội đồng khu 8 khu phố Cẩm Tân	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
235	Đường nội đồng khu 2 khu phố Cẩm Tân	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
236	Đường nội đồng khu 5 khu phố Cẩm Tân	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
237	Đường tổ 2 ấp Nông Doanh	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
238	Đường tổ 1, tổ 2 đi khu phố Tân Phong	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
239	Đường nội đồng khu phố Nông Doanh	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
240	Hệ thống đường ngang đầu nối khu 1 khu phố Cẩm Tân	Xuân Tân	0,83	Chưa xác định vị trí
241	Đường tổ 3A khu phố Tân Phong đi khu 8 khu phố Cẩm Tân	Xuân Tân	0,61	
242	Đường số 4 (Xuân Tân)	Xuân Tân	3,18	
243	Đường D5 (Xuân Thanh)	Xuân Thanh	0,16	
244	Đường D10 (Xuân Thanh)	Xuân Thanh	1,54	
245	Đường XT - 3	Xuân Trung	0,49	
246	Đường XT - 2	Xuân Trung	0,20	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
247	Đường XT - 14	Xuân Trung	0,19	
248	Đường XT - 1	Xuân Trung	0,33	
249	Đường XT - 5	Xuân Trung	0,48	
250	Đường XT - 15	Xuân Trung	0,98	
251	Đường XT - 13	Xuân Trung	1,19	
252	Nâng cấp đường Duy Tân	Bảo Vinh	7,33	Báo cáo số 109/BC-QLDA ngày 07/5/2020 của Bann quản lý dự án thành phố
253	Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ	Bàu Trâm	1,83	Báo cáo số 109/BC-QLDA ngày 07/5/2020 của Bann quản lý dự án thành phố
254	Các tuyến đường giao thông nông thôn xây dựng theo đồ án nông thôn mới (12 tuyến)	Bình Lộc	6,95	Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Bình Lộc
	Đường số 6	Bình Lộc	0,41	
	Đường tổ 1 ấp 3	Bình Lộc	0,67	
	Đường Lê A nối dài	Bình Lộc	3,58	
	Đường số 7	Bình Lộc	0,12	
	Đường số 8	Bình Lộc	0,38	
	Đường số 9	Bình Lộc	0,30	
	Đường số 10	Bình Lộc	0,03	
	Đường hẻm 24 đến đường tổ 2C	Bình Lộc	1,14	
	Đường hẻm 84 đường số 5	Bình Lộc	0,68	
	Đường hẻm 45	Bình Lộc	0,51	
	Đường hẻm 201 nhánh 1	Bình Lộc	0,78	
	Đường hẻm 201 nhánh 1	Bình Lộc	0,59	
255	Đường số 1 (ấp 3 đi tín Nghĩa)	Bình Lộc	11,20	
256	Đường số 2 (Bình Lộc-Cây Da-Xuân Bắc)	Bình Lộc	22,10	
257	Đường song hành với đường 21/4 và hệ thống cây xanh cách ly, phường Suối Tre (mở rộng).	Suối Tre	2,56	Báo cáo số 109/BC-QLDA ngày 07/5/2020 của Bann quản lý dự án thành phố
258	Nâng cấp đường Hoàng Diệu	Xuân Thanh	1,30	Báo cáo số 109/BC-QLDA ngày 07/5/2020 của Bann quản lý dự án thành phố
259	Nâng cấp đường ĐT. 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500	Bảo Quang	0,08	Quyết định số 4275/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt chủ trương đầu tư; Văn bản số 166/BQLDAĐTXD-TCKH ngày 21/2/2019 về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025
260	Đường Xuân Quế - Long Khánh	Hàng Gòn	4,45	Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 651/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về quy hoạch tổng thể phát triển giao thông tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 định hướng đến năm 2030
261	Đường tổ 7 ấp Hàng Gòn	Hàng Gòn	1,57	
262	Đường tổ 3-4 ấp Hàng Gòn	Hàng Gòn	7,50	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
263	Đường tổ 5 đi tổ 11 Đồi Rìu	Hàng Gòn	2,72	
264	Đường tổ 1 đi tổ 6 Đồi Rìu	Hàng Gòn	0,50	
265	Đường tổ 9 ấp Đồi Rìu	Hàng Gòn	0,31	
266	Đường Suối Mạch	Xuân Lập	1,03	
267	Đường khu Suối Phèn	Xuân Lập	1,46	
268	Đường vào khu suối Hôn	Xuân Lập	1,09	
269	Đường vào vùng KKCĐN Bàu Sao	Xuân Lập	1,19	
270	Đường Cầu Be đi đường Bàu Sao	Xuân Lập	0,78	
271	Đường từ đường tránh QL1 đi QL 65- Đồi Rìu	Hàng Gòn; Xuân Tân	14,00	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
272	Đường giao thông theo quy hoạch chung xây dựng (15 tuyến)	Suối Tre	32,66	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
273	Các tuyến đường theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng (16 tuyến)	Bàu Sen	29,14	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
274	Đường trục Đông-Tây thành phố	B. Sen; X. Bình	21,20	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
275	Đường Hàm Nghi	B. Vinh; B. Quang	0,77	Bổ sung
276	Các tuyến đường giao thông nông thôn xã Bảo Quang	Bảo Quang	9,60	Bổ sung
277	Đường số 2 - Bàu Trâm (ngã 3 Miếu Bà đi Xuân Thanh)	Bàu Trâm	1,04	Bổ sung
278	Đường XT16	Xuân Thanh	0,68	Bổ sung
279	Đường Lý Tự Trọng	Xuân Thanh	0,58	Bổ sung
280	Đường Hà Huy Giáp	Xuân Thanh	0,82	Bổ sung
281	Đường Hoàn Văn Thụ	Xuân Thanh	0,72	Bổ sung
282	Đường Phan Đăng Lưu	Xuân Thanh	0,90	Bổ sung
283	Đường XT - 15	Xuân Thanh	0,30	Bổ sung
284	Đường Trần Phú	X. Thanh; X. An	3,11	Bổ sung
285	Đường Trần Văn Thi	Xuân Thanh	1,40	Bổ sung
286	Đường XT10	Xuân Thanh	0,75	Bổ sung
287	Đường XT12	Xuân Thanh	0,21	Bổ sung
288	Đường XT8	Xuân Thanh	0,80	Bổ sung
289	Đường XT11	Xuân Thanh	0,91	Bổ sung
290	Đường XT9	Xuân Thanh	0,48	Bổ sung
291	Đường XT2	Xuân Thanh	1,74	Bổ sung
292	Đường XT6	Xuân Thanh	0,25	Bổ sung
293	Đường XT5	Xuân Thanh	0,44	Bổ sung
294	Đường XT4	Xuân Thanh	0,38	Bổ sung
295	Đường XT16	Xuân Trung	1,94	Bổ sung
296	Đường Trịnh Hoài Đức	Xuân Trung	0,45	Bổ sung
297	Đường XT-8	Xuân Trung	0,36	Bổ sung
298	Đường XT4	Xuân Trung	0,21	Bổ sung
299	Đường Khổng Tử	Xuân Trung	1,81	Bổ sung
300	Đường Chu Văn An	X. Trung; Xuân Bình	1,56	Bổ sung

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
301	Đường XT-11	Xuân Trung	1,38	Bổ sung
302	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Xuân Trung	0,60	Bổ sung
303	Đường XA-5	Xuân An	0,62	Bổ sung
304	Đường XA-6	Xuân An	0,15	Bổ sung
305	Đường Hai Bà Trưng	Xuân Hòa	1,70	Bổ sung
306	Đường XH-14	Xuân Hòa	0,96	Bổ sung
307	Đường XH15	Xuân Hòa	1,32	Bổ sung
308	Đường XH16	Xuân Hòa	0,79	Bổ sung
309	Đường XH17	Xuân Hòa	0,81	Bổ sung
310	Đường XH11	Xuân Hòa	0,46	Bổ sung
311	Đường Nguyễn Trãi	Xuân Hòa	3,84	Bổ sung
312	Đường Hồ Thị Hương	Xuân Trung; Xuân An; Xuân Thanh, Bàu Trâm; Xuân Hòa	11,20	Bổ sung
313	Đường giao thông theo quy hoạch chung xây dựng (6 tuyến)	Xuân Tân	11,61	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	8.7. Đất thủy lợi			
	* Hệ thống cung cấp nước tập trung			
314	Nhà máy cấp nước Hồ Cầu Dầu	Hàng Gòn	1,00	Báo cáo số 109/BC-QLDA ngày 07/5/2020 của Ban quản lý dự án thành phố
315	Hệ thống hồ điều hòa, mương nước theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng	Bàu Sen	18,80	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
316	Trạm tăng áp	Xuân Bình	0,1	Vị trí hồ chứa nước dự phòng
317	Nhà máy cấp nước tại phường Suối Tre	Suối Tre	1,04	
318	Hệ thống cấp nước tập trung (trạm bơm áp 18 gia đình)	Bảo Quang	0,01	
319	Hệ thống cấp nước tập trung phường Bàu Sen	Bàu Sen	0,10	
320	Hệ thống cấp nước tập trung Xã Bàu Trâm	Bàu Trâm	0,15	
321	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung	Hàng Gòn	0,03	
322	Hệ thống cấp nước tập trung khu phố Phú Mỹ	Xuân Lập	0,04	
323	Hệ thống cấp nước tập trung khu phố Trung Tâm	Xuân Lập	0,10	
324	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Hàng Gòn (Trạm cấp nước Hàng Gòn)	Hàng Gòn	0,13	Quyết định số 3514/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 về việc giao đất cho Ban quản lý dự án tỉnh Đồng Nai để thực hiện dự án. Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về báo cáo nghiệm thu dự án
325	Hệ thống cấp nước tập trung khu phố Xuân Tân (mở rộng)	Xuân Tân	0,18	
	* Công trình xử lý nước thải			

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
326	Nhà máy xử lý nước thải (phía bắc TP)	Bảo Quang	5,00	Chưa xác định vị trí
327	Nhà máy xử lý nước thải (phía Nam TP)	Hàng Gòn	5,00	Chưa xác định vị trí
	* Công trình thoát nước, nạo vét			
328	Mương thoát lũ Làng dân tộc Choro (gđ1)	Bảo Vinh	0,12	Đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định thiết kế công trình
329	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thành phố Long Khánh (Mương thoát nước lưu vực Xuân Thiện-Bình Lộc)	Bình Lộc	0,12	Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất
330	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Xuân Hòa, Xuân Bình, Xuân Trung, Xuân An	5,99	Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019
331	Kênh tiêu thoát lũ Xuân Hòa	Xuân Hòa, Phú Bình	1,65	
332	Nạo vét đập dâng sân bay	B.Trâm, X.Hòa	0,60	
333	Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Khánh	Xuân Hòa	8,50	
	8.8. Đất công trình năng lượng			
	* Đường dây 110 kV			
334	Trạm TBA 110kV Khu Công nghiệp Long Khánh	Các phường, xã	0,40	Chưa xác định vị trí
335	Đường dây 110 kV 2 mạch từ TC 110 kV trạm Sông Mây - Xuân Lộc	Các phường, xã	0,33	Chưa xác định vị trí
336	Trạm biến 220kV Long Khánh	Hàng Gòn	0,40	Văn bản số 4518/SCT-KH, ngày 03/12/2019 của Sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030; Văn bản thỏa thuận địa điểm số 13121/UBND-KTN ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai
337	Trạm biến áp 110kV KCN Long Khánh 2	Các phường, xã	0,54	Văn bản số 4518/SCT-KH, ngày 03/12/2019 của Sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030
338	Trạm biến áp trung gian Long Khánh 110Kv	Suối Tre	0,40	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
339	ĐZ hai mạch từ trạm 110kV KCN Long Khánh 2 đấu chuyển tiếp trên đường dây ĐZ Xuân Lộc KCN Long Khánh	Các phường, xã	1,50	Văn bản số 4518/SCT-KH, ngày 03/12/2019 của Sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030
340	ĐZ 220kV Đồng Nai 2 - Dầu Giây	Các phường, xã	1,50	Văn bản số 4518/SCT-KH, ngày 03/12/2019 của Sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
341	ĐZ 220kV bốn mạch trạm Long Khánh rẽ Xuân Lộc - Long Khánh	Hàng Gòn	2,20	Văn bản số 4518/SCT-KH, ngày 03/12/2019 của Sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030
	8.9. Đất công trình bưu chính viễn thông			
342	Bưu điện xã Bàu Trâm (Thuộc khu hành chính xã)	Bàu Trâm	0,35	
343	Bưu điện văn hóa xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	0,01	
	8.10. Đất chợ			
344	Chợ Bảo Quang	Bảo Quang	0,40	
345	Chợ Bàu Trâm	Bàu Trâm	0,73	
346	Chợ và khu phố Bình Lộc	Bình Lộc	1,00	Diện tích tăng 0,5 ha phần quy hoạch bến xe Bình Lộc
347	Chợ Hàng Gòn	Hàng Gòn	1,00	
348	Chợ Suối Tre	Suối Tre	0,20	
349	Mở rộng Chợ Xuân Thanh	Xuân Thanh	0,28	
350	Chợ Bảo Vinh	Bảo Vinh	0,20	
351	Chợ Xuân Lập	Xuân Lập	1,10	
352	Chợ Trung Tâm (Khu tái định cư Bảo Vinh)	Bảo Vinh	1,34	Văn bản số 2762/UBND-PPLT ngày 31/8/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh bổ sung thông tin các dự án chợ trung tâm, thương mại.
	8.11 Đất hạ tầng khác			
353	Đất dự trữ phát triển hạ tầng	Các phường, xã	14,92	
		Bình Lộc	0,30	
		Xuân Lập	0,06	
		Bàu Trâm	0,51	
		Bàu Sen	0,05	Thửa đất số 158, 160 tờ số 25
		Suối Tre	7,00	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
		Bảo Vinh	3,80	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	9. Đất có di tích lịch sử - văn hóa			
354	Khu căn cứ cách mạng Thành ủy Long Khánh	Bảo Quang, Bàu Trâm	14,00	
		Bảo Quang	5,00	
		Bàu Trâm	9,00	
355	Điểm khai quật khảo cổ Cầu sắt	Bình Lộc	0,01	Văn bản số 331/SVHTTDL-KHTC ngày 20/2/2020 của sở Văn hóa thể thao và du lịch
	10. Đất bãi thải, xử lý chất thải			
356	Trạm trung chuyển rác tại phường Suối Tre (mở rộng)	Suối Tre	0,73	
	11. Đất ở			

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
	* Khu dân cư, Nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp			
357	Khu dân cư dân tộc Chơ Ro phường Bảo Vinh (Giai đoạn 1)	Bảo Vinh	2,50	Đang lập bản vẽ thu hồi đất
358	Khu nhà ở xã hội giáp xã Bình Lộc	Bảo Vinh	16,55	Quyết định thu hồi đất số 648/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
359	Khu nhà ở thương mại	Bảo Vinh	21,25	Quyết định thu hồi đất số: 134/QĐ-UBND ngày 05/2/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng nông thôn mới phường Bảo Vinh
360	Khu dân cư Xuân Lập	Xuân Lập	1,13	Đã xây dựng hạ tầng, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
361	Khu dân cư và thương mại dịch vụ	Suối Tre	67,00	
362	Dự án XD nhà ở cho cán bộ LLVT Quân khu 7	Bảo Vinh	4,65	
363	Dự án dân cư và tái định cư tại Xuân Tân	Xuân Tân	62,85	Chuyển chức năng Dự án khu đô thị mới sang Dự án dân cư và tái định cư theo văn bản số 14859/TB-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.
364	Đất ở (trong KHC xã Bàu Trâm)	Bàu Trâm	3,54	
365	Khu nhà ở tại phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh (Cty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Đại Việt, Cty CPTM Ngôi Nhà Mới, Cty TNHH Đầu tư Địa Ốc Xanh).	Xuân Hòa	39,35	Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh về việc bổ sung danh mục mục thu hồi đất thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai
366	Trong đó: dự án chợ và khu phố chợ phường Xuân Hòa	Xuân Hòa	0,52	Điều chỉnh thành 02 nhóm dự án trong đó 0,22 ha quy hoạch chợ, 0,3 ha đất ở dự án
	* Đất ở khác, đất ở phát sinh			
	Tại xã Bảo Quang	Bảo Quang	126,70	
	Tại xã Bàu Trâm	Bàu Trâm	190,00	
	Tại xã Bình Lộc	Bình Lộc	240,00	
	Tại xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	110,00	
	Tại phường Suối Tre	Suối Tre	68,80	
	Tại phường Xuân Lập	Xuân Lập	110,00	
	Tại phường Xuân Tân	Xuân Tân	150,00	
	Tại phường Bàu Sen	Bàu Sen	80,50	
	Tại phường Bảo Vinh	Bảo Vinh	220,00	
	Tại phường Xuân Bình	Xuân Bình	4,92	
	Tại phường Phú Bình	Phú Bình	86,46	
	Tại phường Xuân Hòa	Xuân Hòa	41,70	
	Tại phường Xuân Trung	Xuân Trung	11,75	
	Tại phường Xuân Thanh	Xuân Thanh	44,36	
	Tại phường Xuân An	Xuân An	7,85	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
367	Khu dân cư tại xã Hàng Gòn (trên trục đường QL 56 giáp với hồ Cầu Dầu và đường dẫn của tuyến cao tốc)	Hàng Gòn	260,00	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
368	Khu đô thị dọc trục đường tránh Quốc lộ 1 - Long Khánh	Suối Tre, Bàu Sen, Xuân Tân	399,00	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
369	Khu đô thị tại phường Suối Tre (trên trục đường 21 tháng 4 và giáp hồ Suối Tre	Suối Tre	183,40	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
370	Khu đô thị hỗn hợp kết hợp thể thao và vui chơi giải trí (thuộc các tuyến đường đô thị kết nối với các tuyến đường Xung quanh của khu vực.	Bàu Sen	114,00	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
371	Khu đô thị dọc trục đường Vành đai 1 - Long Khánh	Suối Tre, Bàu Sen, Phú Bình	192,00	Văn bản số 167/QLĐT, ngày 06/3/2020 của phòng Quản lý đô thị (Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050)
372	Khu dân cư thương mại Long Khánh tại phường Xuân Bình	Xuân Bình	4,00	Văn bản số 274/CV-TCT tháng 8/2020 của Tổng công ty Tín Nghĩa về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2021
373	Các thửa đất đấu giá tại phường Xuân Bình	Xuân Bình	0,11	Văn bản số 744/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 14/9/2020 của TTPTQĐ tỉnh về việc đăng ký nhu cầu đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2021
374	Khu đất đấu giá (Thu hồi Công ty TNHH DongYang)	Xuân Bình	0,55	Văn bản số 744/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 14/9/2020 của TTPTQĐ tỉnh về việc đăng ký nhu cầu đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2021
	12. Đất trụ sở cơ quan			
	* Trụ sở công an xã, ban chỉ huy quân sự			
375	Trụ sở công an xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	0,20	
376	Trụ sở công an xã Bình Lộc	Bình Lộc	0,19	Đang xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
377	Trụ sở công an xã Bàu Trâm	Bàu Trâm	0,13	
378	Trụ sở công an xã Bảo Quang	Bảo Quang	0,04	Đang xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
379	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Hoà	Xuân Hoà	0,05	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai, vị trí thuộc trụ sở UBND phường
380	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Quang	Bảo Quang	0,22	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
381	Ban chỉ huy quân sự phường Bảo Vinh	Bảo Vinh	0,05	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
382	Ban chỉ huy quân sự phường Bàu Sen	Bàu Sen	0,07	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai, vị trí thuộc trụ sở UBND phường
383	Ban chỉ huy quân sự xã Bàu Trâm	Bàu Trâm	0,15	
384	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Lộc	Bình Lộc	0,14	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
385	Ban chỉ huy quân sự xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	0,20	
386	Ban chỉ huy quân sự phường Suối Tre	Suối Tre	0,03	Vị trí qh chưa thực hiện, vị trí đã xây dựng trong khuôn viên UBND phường, vị trí thuộc trụ sở UBND phường
387	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Tân	Xuân Tân	0,10	Trong UBND phường
388	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân An	Xuân An	0,10	Trong UBND phường
389	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Thanh	Xuân Thanh	0,10	Đã có hiện trạng, chưa hoàn thành thủ tục đất đai, vị trí thuộc trụ sở UBND phường
390	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Phú Bình	0,05	Đang xây dựng, chưa hoàn thành thủ tục đất đai, vị trí thuộc trụ sở UBND phường
391	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Trung	Xuân Trung	0,04	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai, vị trí thuộc trụ sở UBND phường
392	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Bình	Xuân Bình	0,01	Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1)
	* Đất trụ sở cơ quan khác			
393	Chốt dân phòng Bảo Vinh	Bảo Vinh	0,01	Đã xây dựng xong, chưa hoàn thành thủ tục đất đai
394	Đất dự trữ (công trình HC)	Xuân Hòa	1,37	
395	Tổ trực điện Xuân Lập	Xuân Lập	0,09	
396	Trụ sở đội Thanh Tra Giao thông	Bảo Vinh	0,03	
397	Khu đất trụ sở cơ quan tại phường Suối Tre (cập nhật điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố)	Suối Tre	19,45	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
398	Trạm Khí tượng thủy văn (vị trí mới)	Suối Tre	1,00	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
	13. Đất cơ sở tôn giáo			
399	Chùa Huyền Trang	Bảo Quang	0,79	
400	Giáo xứ Bàu Cối	Bảo Quang	0,41	
401	Chùa Phước Quảng	Bảo Quang	0,24	
402	Chùa Hiển Mật	Bảo Vinh	0,97	
403	Chùa Minh Trí	Bảo Vinh	0,08	
404	Cộng đoàn mến thánh giá Thủ Thiêm - Giáo xứ Núi Đỏ)	Bàu Sen	0,09	
405	Chùa Phổ Minh	Bàu Trâm	0,75	
406	Chùa Liên Thành	Bàu Trâm	0,26	
407	Giáo xứ Hàng Gòn	Hàng Gòn	0,23	
408	Chùa Hoa Sơn	Phú Bình	0,24	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
409	Tịnh xá Ngọc Phú	Phú Bình	0,23	
410	Chùa Long Phú	Phú Bình	0,69	
411	Tịnh xá Ngọc Xuân	Bảo Vinh	0,51	
412	Chùa Xuân Hòa	Xuân An	0,87	
413	Thánh thất thành phố Long Khánh (họ đạo cao đài Long Khánh)	Xuân An	0,09	
414	Chùa Long Thọ	Xuân Bình	2,27	
415	Giáo xứ Chính Tòa	Xuân Bình	1,32	
416	Đài Thánh GIUSE	Xuân Bình	0,01	
417	Đài đức mẹ Mân Côi	Xuân Bình	0,01	
418	Đền Đức mẹ (Giáo xứ Xuân Khánh)	Xuân Hòa	0,01	
419	Chùa Khánh Thiện	Xuân Hòa	0,50	
420	Giáo xứ Xuân Khánh	Xuân Hòa	0,60	
421	Cộng Đoàn Mến Thánh giá Xuân Khánh (Nhóm trẻ Vườn Hồng)	Xuân Hòa	0,07	
422	Chùa Vĩnh Ân	Xuân Tân	0,31	
423	Giáo họ Mân Côi	Xuân Tân	0,01	
424	Chùa Long Ứng	Xuân Tân	0,30	
425	Chùa Long Hòa	Xuân Tân	0,56	
426	Đài đức mẹ Giáo họ Vô Nhiễm	Xuân Tân	0,01	
427	Giáo xứ Cẩm Tân	Xuân Tân	0,88	
428	Đài La Vang	Xuân Tân	0,01	
429	Đài đức mẹ Giáo họ Đài Phatyma	Xuân Tân	0,01	
430	Đài đức mẹ Trinh Vương	Xuân trung	0,02	
431	Giáo xứ Bình Khánh	Bình Lộc	0,39	
432	Chùa Liễu Không	Bảo Quang	0,19	
433	Chùa Tâm Pháp	Bảo Quang	0,18	
434	Chùa Phước Nguyên	Bình Lộc	0,24	
435	Tịnh thất Thiên Nhân	Bình Lộc	0,50	
436	Tịnh thất Kim Cang	Bình Lộc	0,32	
437	Tịnh thất Kiến Cơ	Bình Lộc	0,54	
438	Tịnh thất Từ Lâm	Xuân Bình	0,20	Quyết định điều chỉnh cục bộ số 2561/QĐ- UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Xuân Bình, văn bản số 735/BTG-TCHC ngày 17/8/2020 của ban tôn giáo tỉnh về việc bổ sung nhu cầu sử dụng đất
439	Chùa Hồng Sơn	Bàu Sen	0,14	
440	Cộng đồng Mến thánh giá Thủ Thiêm - Giáo xứ Chính Tòa-Giáo phận Xuân Lộc-trường MN Hòa Mi	Xuân Bình	0,63	
441	Chùa Ngọc Ân Tông Lâm	Xuân Hòa	0,63	
442	Chùa Quảng Hạnh	Bảo Quang	0,31	
443	Cộng đoàn MTG Thủ Thiêm - Giáo xứ Suối Tre	Suối Tre	0,22	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của Ban Tôn Giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
444	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Thủ Thiêm - Giáo xứ Núi Tung (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm)	Suối Tre	0,13	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của Ban Tôn Giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
445	Thánh thất thành phố Long Khánh (họ đạo cao đài Bến Tre)	Bàu Trâm	0,43	
446	Tu xá Thánh Giuse	Xuân Hòa	0,08	
447	Tịnh thất Linh Sơn Trường Thọ	Bàu Trâm	1,15	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của ban tôn giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
448	Giáo xứ Bảo Quang	Bảo Quang	1,23	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của ban tôn giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
449	Cộng đoàn Bảo Vinh (thuộc Tu hội Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu)	Bảo Vinh	0,37	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của ban tôn giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
450	Dòng Đa Minh Đức Mẹ Rất Thánh Mân Côi Monteils, Dự Tỉnh Đức Mẹ La Vang	Xuân Thanh	0,15	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của ban tôn giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
451	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Thủ Thiêm - Giáo xứ Hàng Gòn (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm)	Hàng Gòn	0,04	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của ban tôn giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
452	Cộng đoàn Balem (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Xuân Bình	0,10	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của ban tôn giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
453	Giáo xứ Chính Tòa (thửa đất số 9 tờ bản đồ số 13)	Xuân Bình	0,01	Văn bản số 768/BTG-KTG, ngày 24/8/2020 V/v thông báo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai liên quan đến thửa đất số 9 tờ bản đồ số 13 phường Xuân Bình
454	Đất tôn giáo dự phòng	Các phường, xã	8,36	Văn bản số 685/BTG-TCHC ngày 30/7/2020 của ban tôn giáo, Sở Nội Vụ về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất
	14. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			
455	Nghĩa địa ấp Cây Da (mở rộng)	Bình Lộc	2,50	
456	Nghĩa trang Hàng Gòn (mở rộng)	Hàng Gòn	70,00	Đã có thông báo hu hồi đất Thông báo thu hồi đất số 1269/TB-UBND ngày 21/8/2019 của UBND thành phố Long Khánh V/v thu hồi đất để thực hiện dự án (4.57ha); văn bản số 11064/BUND- KTN, ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v ý kiến của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn tỉnh
457	Nghĩa địa Nhân dân Bảo Vinh (MR GĐ2)	Bảo Vinh	0,85	
458	Nghĩa địa khu phố Cáp Rang	Suối Tre	1,00	
	15. Đất sinh hoạt cộng đồng			
459	Nhà văn hóa khu phố Tân Thủy	Bàu Sen	0,03	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
460	Nhà văn hóa làng dân tộc	Bàu Trâm	0,50	
461	Nhà văn hóa khu phố Ruộng Lớn	Bảo Vinh	0,05	
462	Nhà VH và khu thể thao khu phố Bảo Vinh A	Bảo Vinh	0,10	
463	Nhà văn hóa khu phố 3	Xuân Bình	0,01	
464	Nhà văn hóa - thể dục, thể thao khu phố Phú Mỹ	Xuân Lập	0,06	
465	Nhà văn hóa - thể dục, thể thao khu phố Trung Tâm	Xuân Lập	0,11	
466	Nhà văn hóa khu phố 3	Xuân Thanh	0,02	
467	Nhà văn hóa ấp Suối Đá	Hàng Gòn	0,10	
468	Nhà văn hóa ấp Tân Phong	Hàng Gòn	0,20	
469	Nhà văn hóa khu phố 2	Phú Bình	0,05	
470	Nhà văn hóa ấp 2 Bình Lộc (mở rộng)	Bình Lộc	0,05	
471	Nhà văn hóa khu phố 5	Xuân Hòa	0,01	
472	Nhà văn hóa khu phố 4	Xuân Thanh	0,02	
473	Nhà văn hóa ấp 3	Bình Lộc	0,05	UBND xã Bình Lộc đề xuất, vị trí trường mầm non Tuổi Thơ
474	Nhà văn hóa KP 5	Xuân An	0,01	
	16. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng			
475	Khu cây xanh (trong KHC xã Bàu Trâm)	Bàu Trâm	1,54	
476	Khu cây xanh dọc Suối Rết	Xuân An; Xuân Hòa; Phú Bình	25,82	
477	Khu Cây xanh cánh ly dọc đường Lê A khu công nghiệp Suối Tre	Suối Tre	2,29	Văn bản 213/UBND, ngày 31/8/2020 của UBND phường Suối Tre về rà soát nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030
478	Công viên (khu đất rừng phòng hộ)	Hàng Gòn	4,61	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
479	Đất công viên cây xanh theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng	Bàu Sen	144,20	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
480	Đất công viên cây xanh theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng	Xuân Tân	28,80	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
481	Đất công viên cây xanh theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng	Suối Tre	69,70	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
482	Đất công viên cây xanh theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng	Bàu Trâm	27,70	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
483	Đất công viên cây xanh theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng	Xuân Hòa	2,45	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050
484	Đất công viên cây xanh theo quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng	Phú Bình	31,70	Theo Đồ án điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung thành phố Long Khánh đến 2035, tầm nhìn đến 2050

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Ghi chú
	17. Hồ chứa nước			
485	Hồ chứa nước Bảo Vinh	Bảo Vinh	1,51	
486	Hồ chứa nước Cầu Dầu	Hàng Gòn	144,65	Đã có quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
487	Hồ chứa nước Suối Tre	S.Tre, B.Lộc	52,00	Đã có quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
488	Hồ Gia Dách	Xuân Lập	30,00	
	18. Đất sông, suối			
489	Kiên cố hạ lưu Suối Cải (chống ngập úng khu vực Suối Cải)	Các phường, xã	22,08	
	* Đất nông nghiệp khác			
490	Tại xã Bảo Quang (02 khu ấp Thọ An, ấp Bàu Côi)	Bảo Quang	175,00	Văn bản số 455/PKT ngày 11/9/2020 của phòng Kinh Tế thành phố về việc rà soát nhu cầu đất nông nghiệp khác
491	Tại xã Hàng Gòn (ấp Hàng Gòn, Ấp Tân Phong - Bàu Môn, Lô 20 Hàng Gòn)	Hàng Gòn	111,00	Văn bản số 455/PKT ngày 11/9/2020 của phòng Kinh Tế thành phố về việc rà soát nhu cầu đất nông nghiệp khác
492	Tại xã Bình Lộc (tờ BĐDC số 4,9)	Bình Lộc	25,00	Văn bản số 455/PKT ngày 11/9/2020 của phòng Kinh Tế thành phố về việc rà soát nhu cầu đất nông nghiệp khác
	* Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong nội bộ nông nghiệp			
493	Vùng trồng rau sạch	Bảo Vinh, Bảo Quang	88,55	